

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO
KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 16/4/2025

PHÒNG THI: 01

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.1604-001	Hoàng Thị Quỳnh Anh	Nữ	08/10/2001	Hưng Yên
2	TN.1604-002	Lê Tuấn Anh	Nam	01/01/1980	Thanh Hóa
3	TN.1604-003	Lê Việt Anh	Nam	11/10/2003	Thái Nguyên
4	TN.1604-004	Vũ Việt Anh	Nam	05/03/2002	Hải Dương
5	TN.1604-005	Vy Thị Phương Anh	Nữ	08/09/1998	Lạng Sơn
6	TN.1604-006	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	10/11/2002	Tuyên Quang
7	TN.1604-007	Vũ Thúy Bình	Nữ	28/10/2003	Hà Nội
8	TN.1604-008	Trần Đức Công	Nam	23/10/2003	Tuyên Quang
9	TN.1604-009	Hoàng Diệu Linh Chi	Nữ	21/11/2002	Thái Nguyên
10	TN.1604-010	Nguyễn Linh Chi	Nữ	05/09/2006	Thái Nguyên
11	TN.1604-011	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Nữ	16/02/2002	tuyên quang
12	TN.1604-012	Hoàng Thị Chiêu	Nữ	30/04/2003	Lạng Sơn
13	TN.1604-013	Lương Quang Chính	Nam	14/02/2002	Lào Cai
14	TN.1604-014	Lã Như Diễm	Nam	05/01/2002	Bắc kạn
15	TN.1604-015	Ma Hoài Diễm	Nữ	23/08/2002	Bắc Kạn
16	TN.1604-016	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	09/04/2002	Thái Nguyên
17	TN.1604-017	Trương Thị Thảo Duyên	Nữ	29/09/1998	Hà Giang
18	TN.1604-018	Trần Thuý Dương	Nữ	09/03/2003	Tuyên Quang
19	TN.1604-019	Vũ Tiến Đạt	Nam	22/01/1997	Phú Thọ
20	TN.1604-020	Vũ Duy Đô	Nam	05/02/1998	Thái Nguyên
21	TN.1604-021	Trần Văn Độ	Nam	01/08/2002	Bắc Giang
22	TN.1604-022	Đỗ Trường Giang	Nam	07/06/2001	Bắc Giang
23	TN.1604-023	Hoàng Thị Hương Giang	Nữ	09/10/2003	Thái Nguyên
24	TN.1604-024	Nguyễn Hoàng Phương Giang	Nữ	28/12/1991	Thái Nguyên
25	TN.1604-025	Nguyễn Trường Giang	Nam	08/07/2002	Bắc Giang
26	TN.1604-026	Trần Hương Giang	Nữ	15/01/2003	Tuyên Quang
27	TN.1604-027	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	26/12/2002	Bắc Giang

Ấn định danh sách có 27 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO
KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 16/4/2025

PHÒNG THI: 02

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.1604-028	Lăng Thị Ánh Hạnh	Nữ	03/02/2001	Vĩnh Phúc
2	TN.1604-029	Nguyễn Minh Hạnh	Nữ	01/08/2004	Hà Nội
3	TN.1604-030	Hoàng Thanh Hằng	Nữ	31/12/2007	Thanh Hóa
4	TN.1604-031	Phạm Thị Hằng	Nữ	20/05/2001	Hà Nội
5	TN.1604-032	Phùng Thị Thu Hằng	Nữ	07/11/2002	Phú Thọ
6	TN.1604-033	Trần Thu Hằng	Nữ	30/07/2002	Hà Giang
7	TN.1604-034	Bàn Thị Hậu	Nữ	17/09/2002	Bắc Giang
8	TN.1604-035	Dương Thị Thanh Hiền	Nữ	01/01/2003	Nghệ An
9	TN.1604-036	Đỗ Thu Hiền	Nữ	24/02/2006	Tuyên Quang
10	TN.1604-037	Bùi Minh Hiệp	Nam	27/02/1982	Bắc Giang
11	TN.1604-038	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	05/01/2000	Thái Nguyên
12	TN.1604-039	Trần Trung Hiếu	Nam	03/02/2002	Nghệ An
13	TN.1604-040	Đinh Mỹ Hoa	Nữ	18/07/2002	Hà Tĩnh
14	TN.1604-041	Lò Thị Hoa	Nữ	04/06/2000	Thanh Hoá
15	TN.1604-042	Vũ Thị Hòa	Nữ	23/11/1992	Bắc Ninh
16	TN.1604-043	Giáp Thị Thanh Hoài	Nữ	02/09/2002	Bắc Giang
17	TN.1604-044	Nguyễn Thị Thanh Hoài	Nữ	27/10/2002	Phú Thọ
18	TN.1604-045	Nguyễn Đức Huy	Nam	04/09/2003	Tuyên Quang
19	TN.1604-046	Nguyễn Hồng Ngọc Huyền	Nữ	14/11/2001	Ninh Bình
20	TN.1604-047	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	22/01/2003	Vĩnh Phúc
21	TN.1604-048	Nguyễn Thúy Huyền	Nữ	24/03/2003	Yên Bái
22	TN.1604-049	Bùi Việt Hưng	Nam	05/04/2001	Phú Thọ
23	TN.1604-050	Bùi Gia Hưng	Nam	28/12/2003	Quảng Ninh
24	TN.1604-051	Vũ Mai Hương	Nữ	07/03/2003	Nam Định
25	TN.1604-052	Bùi Thị Hường	Nữ	18/10/2006	Hoà Bình
26	TN.1604-053	Nguyễn Đàm Lê Khanh	Nữ	06/12/2002	Tuyên Quang
27	TN.1604-054	Hà Thanh Lâm	Nam	21/05/2002	hà nội
28	TN.1604-055	Phùng Thị Mỹ Lệ	Nữ	13/10/2002	Vĩnh phúc

Ấn định danh sách có 28 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO
KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 16/4/2025

PHÒNG THI: 03

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.1604-056	Đinh Văn Linh	Nam	10/07/1998	Phú Thọ
2	TN.1604-057	Đỗ Ngọc Linh	Nam	17/04/2002	Thái Nguyên
3	TN.1604-058	Nguyễn Thị Linh	Nữ	18/11/2002	Hà Tây
4	TN.1604-059	Nguyễn Thị Linh	Nữ	02/03/2002	Thái Nguyên
5	TN.1604-060	Nguyễn Thị Thuý Linh	Nữ	30/10/1991	Thái Nguyên
6	TN.1604-061	Vũ Ngọc Khánh Linh	Nữ	25/09/2003	Thái Nguyên
7	TN.1604-062	Lê Kim Long	Nam	08/09/2001	Hà Nội
8	TN.1604-063	Phan Thành Luân	Nam	04/08/1995	Thái Nguyên
9	TN.1604-064	Lăng Thị Luyến	Nữ	15/05/2000	Bắc Kạn
10	TN.1604-065	Trịnh Đức Lương	Nam	23/12/2000	Thái Nguyên
11	TN.1604-066	Hà Thị Hương Ly	Nữ	17/07/2001	Vĩnh Phúc
12	TN.1604-067	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	25/11/2003	Bắc Ninh
13	TN.1604-068	Lý Thị Mỹ	Nữ	08/03/2003	Yên Bái
14	TN.1604-069	Hoàng Thị Quỳnh Nga	Nữ	28/01/2002	Lào Cai
15	TN.1604-070	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	28/09/2007	Thái Nguyên
16	TN.1604-071	Nguyễn Thu Ngân	Nữ	10/12/2002	Cao Bằng
17	TN.1604-072	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	19/08/2002	Vĩnh Phúc
18	TN.1604-073	Lù Thị Ánh Ngọc	Nữ	20/01/2002	Lào Cai
19	TN.1604-074	Châu Mỹ Nhân	Nữ	04/06/1999	Bạc Liêu
20	TN.1604-075	Lê Đăng Nhật	Nam	24/08/2002	Phú Thọ
21	TN.1604-076	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	29/03/2002	Vĩnh Phúc
22	TN.1604-077	Trần Thị Thảo Như	Nữ	21/08/1994	Tuyên Quang
23	TN.1604-078	Lê Thu Phương	Nữ	23/10/2000	Tuyên Quang
24	TN.1604-079	Nguyễn Đình Phương	Nam	29/12/2003	Thái Nguyên
25	TN.1604-080	Diêm Thị Quyên	Nữ	09/05/2002	Bắc Giang
26	TN.1604-081	Lê Quang Sự	Nam	09/08/2001	Bắc Giang
27	TN.1604-082	Châu Văn Tuấn	Nam	27/05/2003	Tuyên Quang
28	TN.1604-083	Phạm Văn Tùng	Nam	07/03/1987	HÀ NAM

Ấn định danh sách có 28 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO
KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 16/4/2025

PHÒNG THI: **04**

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.1604-084	Lại Ánh Tuyết	Nữ	06/10/2002	Thái Nguyên
2	TN.1604-085	Đặng Thị Phương Thảo	Nữ	20/04/1998	Thái Nguyên
3	TN.1604-086	Lê Phương Thảo Thảo	Nữ	27/03/1994	Yên Bái
4	TN.1604-087	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	25/06/2002	Thái Nguyên
5	TN.1604-088	Phạm Thành Phúc Thiện	Nam	21/04/2000	Nam Định
6	TN.1604-089	Phạm Thị Ngọc Thom	Nữ	13/01/2002	Hải Dương
7	TN.1604-090	Lã Thị Minh Thu	Nữ	10/11/2002	Ninh Bình
8	TN.1604-091	Ngô Thị Minh Thuý	Nữ	09/12/2007	Thái Nguyên
9	TN.1604-092	Nguyễn Thị Minh Thuý	Nữ	23/02/1999	Phú Thọ
10	TN.1604-093	Nguyễn Thị Thư	Nữ	22/01/2006	Nghệ an
11	TN.1604-094	Trần Anh Thư	Nữ	19/10/2003	Quảng Ninh
12	TN.1604-095	Hoàng Hoài Thương	Nữ	08/03/1998	Thái Nguyên
13	TN.1604-096	Hứa Văn Thượng	Nam	26/05/2000	Lạng Sơn
14	TN.1604-097	Hoàng Thị Trà	Nữ	02/06/1998	Thái Nguyên
15	TN.1604-098	Bùi Thị Thuý Trang	Nữ	30/05/2002	Bắc Giang
16	TN.1604-099	Đặng Thị Kiều Trang	Nữ	11/01/2003	Quảng Ninh
17	TN.1604-100	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	27/02/1996	Hải Dương
18	TN.1604-101	Lê Việt Trang	Nữ	24/03/2003	Thái Nguyên
19	TN.1604-102	Nguyễn Phương Trang	Nữ	22/03/2002	Thái Bình
20	TN.1604-103	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	03/12/1983	Thái Nguyên
21	TN.1604-104	Trương Thị Thu Trang	Nữ	23/03/2001	Thái Nguyên
22	TN.1604-105	Ngô Thị Kiều Trang	Nữ	14/09/2005	Hà Nội
23	TN.1604-106	Đỗ Minh Trường	Nam	24/10/2003	Thái Nguyên
24	TN.1604-107	Vũ Bích Việt	Nữ	17/03/2003	Thái Bình
25	TN.1604-108	Bế Văn Vũ	Nam	15/05/1993	Cao Bằng
26	TN.1604-109	Vũ Thị Nguyệt Vy	Nữ	02/10/2002	Vĩnh Phúc
27	TN.1604-110	Giàng Thị Xinh	Nữ	11/08/1997	Lào Cai
28	TN.1604-111	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	24/10/2003	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có 28 thí sinh.